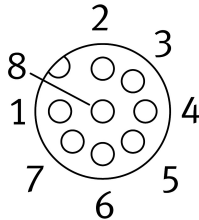
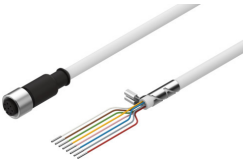


# Cáp encoder NEBM-M12G8-E- -LE8

Số bộ phận: 1451591

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                 |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Tên cáp                                                     | không giá biển báo                      |
| Cổng nối điện 1, chức năng                                  | Phía thiết bị hiện trường               |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                                   | tròn                                    |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                               | Ổ cắm                                   |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                                 | thẳng                                   |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối                          | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây                            | 8                                       |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng                     | 8                                       |
| Cổng nối điện 2, chức năng                                  | Phía điều khiển                         |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                               | Cáp                                     |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối                          | đầu mở                                  |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                                 | 8                                       |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng                     | 8                                       |
| Dải điện áp hoạt động DC                                    | 0 V...30 V                              |
| Điện áp hoạt động danh định DC                              | 24 V                                    |
| Dải điện áp hoạt động AC                                    | 0 V...30 V                              |
| Điện áp hoạt động danh định AC                              | 24 V                                    |
| Lớp bảo vệ                                                  | có                                      |
| Chiều dài cáp                                               | 1 m...25 m                              |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | thích hợp cho máng xích                 |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển               | 68 mm                                   |
| Đường kính cáp                                              | 6.8 mm                                  |
| Cấu tạo cáp                                                 | 4 x 2 x 0,14 mm <sup>2</sup>            |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.14 mm <sup>2</sup>                    |
| Đầu dây                                                     | Măng sông sắt                           |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65                                    |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | ở trạng thái lắp                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -40 °C...80 °C                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...80 °C                           |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU                |

| Đặc tính                              | Giá trị                   |
|---------------------------------------|---------------------------|
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B2-L            |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS             |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                   | TPE-U(PUR)                |
| Màu vỏ cáp                            | xám                       |